

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST.
Ngày: 24/02/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và
đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh ngày 26/12/1959 (Có mặt)

Căn cước công dân số, cấp ngày 19/02/2022

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Sơn Thị K, sinh ngày 15/10/1977. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số

Địa chỉ: ấp H, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Lâm Trường H, sinh năm 1976 (Vắng mặt); Căn cước công dân số

Địa chỉ: ấp H, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 30/9/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Giữa bà và bà Sơn Thị K quen biết nhau khi bà K đến nhà của người cậu bà K ở gần nhà bà, lúc đó bà ở tại ấp C, huyện C, Hồ Chí Minh. Bà K đến đó buôn bán. Do ở gần, quen biết nhau rồi cũng thân thiết, tin tưởng vì thế bà K nhiều lần qua hỏi mượn tiền của bà, rồi nhờ bà tham gia hội dùm cho bà K, dần dần số tiền bà K thiếu bà lên đến 415.000.000 đồng, mỗi lần cho mượn tiền và hốt hội dùm bà K thì đều có làm biên nhận riêng lẻ. Còn về số vàng thì bà K đi đám cưới không có vàng đeo nên mới qua nhà bà hỏi mượn vàng đeo đi đám cưới, bà đang đeo trên tay một chiếc nhẫn trọng lượng 05 chỉ vàng 24k mới lột ra đưa cho bà K mượn đeo đi đám cưới, sau khi đi đám cưới về không có trả vàng cho bà thì bà có đòi bà K trả vàng lại cho bà nhưng bà K nói kẹt tiền đã cầm chiếc nhẫn để chuộc bộ vòng ximen đang cầm ở tiệm vàng, nhưng sau đó không có trả lại cho bà luôn đến nay. Không lâu sau bà K trốn đi đâu mất tiêu nên bà đi tìm bà K. Bà có tìm đến nhà gặp cha mẹ bà K thì cha mẹ bà K hứa với bà để nói với bà K lo tiền trả cho bà nhưng sau đó không có trả. Bà mới đến trụ sở công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ để nhờ công an giải quyết, tại đây bà gặp ông Sơn Minh D1 là Trưởng công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng lúc bấy giờ, bà có trình bày sự việc cho ông Sơn Minh D1 nghe và có nhờ công an giải quyết, công an kêu bà về để khi nào gặp bà K thì kêu bà xuống giải quyết, hôm sau là công an điện thoại kêu bà xuống trụ sở công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ để giải quyết do bà K đã về địa phương. Bà và bà K có gặp nhau tại công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ thì thống nhất thỏa thuận cho bà K trả dần dần cho bà số tiền còn nợ, lúc đó bà và bà K cộng các biên nhận từng lần nhận tiền lại thì tổng cộng bà K thiếu của bà số tiền 415.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Bà K cam kết cũng như ký nhận nợ cho bà nhưng do bà K không biết chữ nên ông Sơn Minh D1 là Trưởng công an thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ mới kêu ông Lý Ư là người ở khu vực đó vào trụ sở công an viết dùm biên nhận nợ ngày 24/11/2017 và tờ cam kết cho bà K lẩy tay vào. Khi đó, bà K hứa với bà là một tháng trả cho bà số tiền 3.000.000 đồng kể từ ngày 16/12/2017 trở đi nhưng sau đó bà K không có trả tiền cho bà đến nay.

Nay bà yêu cầu bà Sơn Thị K trả lại cho bà số tiền cho mượn là 415.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17/12/2017 đến ngày xét xử hôm nay 24/02/2026, với mức lãi suất 0.83%/tháng là 338.365.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, 01 chỉ vàng giá 18.000.000 đồng là 90.000.000 đồng. Tổng số tiền bà yêu cầu bà Sơn Thị K trả nợ là 843.365.000 đồng.

Bà rút lại yêu cầu buộc ông Phùng Lâm Trường H cùng có trách nhiệm liên đới với bà Sơn Thị K trả cho bà số tiền 415.000.000 đồng, lãi suất và 05 chỉ vàng 24k.

2/ Bị đơn bà Sơn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Lâm Trường H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có lời trình bày gửi đến Tòa án.

3/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D. Buộc bà Sơn Thị K trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ vay 415.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 17/12/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2026 và 05 chỉ vàng 24k, giá 01 chỉ vàng là 18.000.000 đồng, quy ra tiền là 90.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với ông Phùng Lâm Trường H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Sơn Thị K địa chỉ cư trú tại ấp S, xã P, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền vay, số vàng đã cho mượn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Vắng mặt đương sự: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét ý kiến rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D: Tại phiên tòa bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Lâm Trường H cùng với bị đơn bà Sơn Thị K liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với ông Phùng Lâm Trường H.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu bị đơn bà Sơn Thị K trả số tiền vốn gốc là 415.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày 17/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2026 với mức lãi suất 0.83%/tháng và số vàng 05 chỉ vàng 24k, quy ra tiền là 90.000.000 đồng. Bị đơn không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Nguyên đơn bà D để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì bà D có cung cấp cho Tòa án một tờ giấy kê ngang tựa đề “Giấy nhận nợ” có nội dung “Tôi tên *Sơn Thị K* sinh năm 1977 đăng ký thường trú ấp *S*, thị trấn *H*, huyện *T*, tỉnh Sóc Trăng có mượn nợ của bà *Nguyễn Thị D* sinh năm 1959 ở khu phố *B*, thị trấn *T*, huyện *T*, tỉnh Long An....số tiền là 415.000.000đ và năm chỉ vàng 24K....” có dấu lẩy tay trái + trở phải tên *Sơn Thị K* dưới mục người nhận nợ. Ngoài ra bà D còn cung cấp một “Tờ cam kết lập ngày 24/11/2017” có nội dung “Tôi tên *Sơn Thị K* năm sinh 1977 ..nữ...Hiện cư ngụ tại số *H*, thị trấn *H*, huyện *T*, tỉnh Sóc Trăng....từ năm 2014 đến tháng 04 năm 2017 tôi có mượn nợ nhiều lần của bà *Nguyễn Thị D* với số tiền là 415.000.000 đ (bốn trăm mười lăm triệu đồng) và năm chỉ vàng 24k tôi cam kết trả cho bà *D* mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2017 trở đi....” có dấu lẩy tay trái + trở phải tên *Sơn Thị K* dưới mục người cam kết. Người viết hộ đều là ông *Lý Ư* nhưng qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông *Lý Ư* đã chết. Theo bà D trình bày Giấy nhận nợ và tờ cam kết đều được lập tại Công an thị trấn *H*, huyện *T*, tỉnh Sóc Trăng cũ, lúc đó ông *Sơn Minh D1* nguyên Trưởng công an thị trấn *H*, huyện *T*, tỉnh Sóc Trăng cũ chứng kiến sự việc do ông *D1* là người mời bà xuống giải quyết yêu cầu của bà đối với bà *K*. Theo biên bản xác minh lập ngày 13/02/2026 của Tòa án đối với ông *Sơn Minh D1* thì ông *D1* xác nhận lời trình bày của nguyên đơn bà *D* là đúng sự thật, nên Hội đồng xét xử xác định có sự việc bà *K* hỏi mượn tiền nhiều lần của bà *D* và còn nợ bà *D* số tiền theo giấy nhận nợ và tờ cam kết là 415.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k có xảy ra trên thực tế. Bà *K* cam kết trả cho bà *D* mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 16/12/2017 nhưng đến nay bà *K* không trả nợ cho bà *D* là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Đối với 05 chỉ vàng 24k, tại thời điểm xét xử bà *D* yêu cầu giá 01 chỉ vàng 24k là 18.000.000 đồng để quy ra tiền trả cho bà cũng phù hợp với giá trị vàng trên thị trường đang bán tại thời điểm xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, như vậy 05 chỉ vàng 24k x 18.000.000 đồng = 90.000.000 đồng.

Vì thế, bà *D* yêu cầu bà *K* trả lại số tiền vay 415.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k quy ra tiền tại thời điểm xét xử 90.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463, 466 và 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về mức lãi suất: bà *D* yêu cầu bà *K* trả lãi suất từ ngày 17/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/02/2026 với mức lãi suất 0.83%/tháng, số tiền lãi yêu cầu 338.365.000 đồng. Nhận thấy, như nhận định tại mục [4.1] bà *D* cho bà *K* mượn tiền, không có lãi suất, nhưng bà *D* cam kết đến ngày 16/12/2017 bắt đầu trả nợ cho bà *D* nhưng bà *K* không thực hiện trả nợ cho bà *D* nên bà *D* yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày 17/12/2017 đến nay là phù hợp quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi suất được tính như sau: 415.000.000đ x 0.83%/tháng x 08 năm 02 tháng 07 ngày = 338.365.000 đồng (làm tròn). Nguyên đơn bà *D* yêu cầu bà *K* trả tiền lãi là 338.365.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Như vậy bà K có nghĩa vụ trả cho bà D tiền nợ gốc là 415.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là 341.465.000 đồng, giá trị 05 chỉ vàng 24k là 90.000.000 đồng. Tổng cộng là 843.365.000 đồng. Từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn bà D không phải chịu án phí và nguyên đơn bà D thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét. Còn bị đơn bà K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí phải chịu 37.301.000 đồng (làm tròn).

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 2, 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng các điều 166, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Lâm Trường H cùng có trách nhiệm liên đới với bị đơn bà Sơn Thị K trả nợ cho bà Nguyễn Thị D số tiền 415.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bị đơn bà Sơn Thị K trả số tiền nợ vay, lãi suất và số vàng.

3/ Buộc bà Sơn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền còn nợ là 843.365.000 đồng (T tám bốn mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 415.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả là 338.365.000 đồng và giá trị 05 chỉ vàng 24k được tính giá trị tại thời điểm xét xử là 90.000.000 đồng.

4/ Về lãi chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- + Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí.
- + Bà Sơn Thị K phải chịu án phí số tiền 37.301.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, ba trăm lẻ một nghìn đồng).

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn bà K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng